

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: Thuê dịch vụ quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026.

- Dự toán mua sắm: Thuê dịch vụ quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026.

- Chủ đầu tư: Chi cục Thủy sản - Kiểm ngư tỉnh Ninh Bình

- Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Từ nguồn ngân sách sự nghiệp kinh tế năm 2026.

- Thời gian thực hiện dịch vụ: 250 ngày.

- Giá gói thầu: 1.537.550.000 đồng. Trong đó chi phí Dự phòng quan trắc đột xuất (khi thời tiết bất thường hoặc có yêu cầu) là 113.497.520 đồng.

Đây là phần chi phí được dùng trong trường hợp quan trắc đột xuất, vì vậy khi chào thầu yêu cầu nhà thầu giữ nguyên phần chi phí dự phòng là 113.497.520 đồng.

- Địa điểm thực hiện dự kiến:

TT	Địa điểm quan trắc	Điểm quan trắc	Tần suất/ tháng (lần)	Số tháng quan trắc	Tổng cộng
I	Nhóm 1: Thông số môi trường phục vụ tôm nuôi nước lợ				192
1	- Cống CT2 - xã Bình Minh	1	2	8	16
2	- Cống CT4 - xã Kim Đông	1	2	8	16
3	- Cống CT6 - xã Kim Đông	1	2	8	16
4	- Cống cấp thôn Hải Phong - xã Giao Ninh	1	2	8	16
5	- Cống Tây Cồn Tàu – xã Giao Ninh	1	2	8	16
6	- Cống Thanh Niên - xã Giao Bình.	1	2	8	16
7	- Khu cống Hoàn Đông - xã Giao Minh	1	2	8	16
8	- Cống ông Định, thôn 5, xã Giao Minh	1	2	8	16
9	- Cống cấp xóm Tây Tiến - xã Hải Xuân	1	2	8	16
10	- Cống số 4 thôn Trung Châu- xã Hải Tiến	1	2	8	16

11	- Cống An Hoá, xóm Hợp Thành - xã Hải Quang	1	2	8	16
12	- Cống Thanh Hương - xã Quỹ Nhất	1	2	8	16
II	Nhóm 2: Thuốc BVTV, kim loại nặng				69
1	- Cống CT2 - xã Bình Minh	1	1	3	3
2	- Cống CT4 - xã Kim Đông	1	1	3	3
3	- Cống CT6 - xã Kim Đông	1	1	3	3
4	- Cống cấp thôn Hải Phong - xã Giao Ninh	1	1	3	3
5	- Cống Tây Cồn Tàu – xã Giao Ninh	1	1	3	3
6	- Cống Thanh Niên - xã Giao Bình.	1	1	3	3
7	- Khu cống Hoàn Đông - xã Giao Minh	1	1	3	3
8	- Cống ông Định, thôn 5, xã Giao Minh	1	1	3	3
9	- Cống cấp xóm Tây Tiến - xã Hải Xuân	1	1	3	3
10	- Cống số 4 thôn Trung Châu- xã Hải Tiến	1	1	3	3
11	- Cống An Hoá, xóm Hợp Thành - xã Hải Quang	1	1	3	3
12	- Cống Thanh Hương - xã Quỹ Nhất	1	1	3	3
13	- Vùng nuôi ngao cầu Cồn Nổi – xã Kim Đông	1	1	3	3
14	- Vùng nuôi ngao Cồn Nổi – xã Kim Đông	1	1	3	3
15	- Vùng nuôi ngao Cồn Nổi xã Giao Phúc	1	1	3	3
16	- Vùng nuôi ngao xã Rạng Đông	1	1	3	3
17	- Thôn Thần Thiệu xã Gia Vân	1	1	3	3
18	- Xóm An Ninh xã Gia Phong	1	1	3	3
19	- Thôn Đồng Chua xã Gia Viễn	1	1	3	3
20	- Vùng nuôi cá lúa thôn Hữu Thường xã Thanh Sơn	1	1	3	3
21	- Cống số 6 đội 2 Công ty TNHH MTV NN Bạch Long (vùng nuôi cá nước ngọt xã Giao Bình)	1	1	3	3

22	Thôn Yên Mỹ, phường Duy Tiên,	1	1	3	3
23	Thôn Phong Thái, xã Ninh Cường	1	1	3	3
III	Nhóm 3: Thông số môi trường giám sát ao đại diện	11			176
1	Xã Bình Minh	1	2	8	16
2	Xã Kim Đông	1	2	8	16
3	Xã Giao Ninh	2	2	8	32
4	Xã Giao Bình	1	2	8	16
5	Xã Giao Minh	2	2	8	32
6	Xã Hải Xuân	1	2	8	16
7	Xã Hải Tiên	1	2	8	16
8	Xã Hải Quang	1	2	8	16
9	Xã Quĩ Nhất	1	2	8	16
IV	Nhóm 4: Thông số môi trường phục vụ nuôi ngao				64
1	Cầu Cồn Nổi – xã Kim Đông	1	2	8	16
2	Cồn Nổi – xã Kim Đông	1	2	8	16
3	Cồn Nổi - xã Giao Phúc	1	2	8	16
4	Xã Rạng Đông	1	2	8	16
V	Nhóm 5: Thông số môi trường phục vụ nuôi cá nước ngọt tập trung, cá nuôi lồng bè nước ngọt				112
1	Thôn Thần Thiệu xã Gia Vân	1	2	8	16
2	Xóm An Ninh xã Gia Phong	1	2	8	16
3	Thôn Đồng Chư xã Gia Viễn	1	2	8	16
4	Thôn Hữu Thường xã Thanh Sơn (vùng nuôi cá lúa)	1	2	8	16
5	- Công số 6 đội 2 Công ty TNHH MTV NN Bạch Long (vùng nuôi cá nước ngọt xã Giao Bình)	1	2	8	16
6	Thôn Yên Mỹ, phường Duy Tiên,	1	2	8	16
7	Thôn Phong Thái, xã Ninh Cường	1	2	8	16

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

STT	Thông số quan trắc	Số lần quan trắc
I	Quan trắc định kỳ	
1	Nhóm 1: Thông số môi trường phục vụ tôm nuôi nước lợ	192
	DO	
	Độ mặn	
	pH	
	N-NH ₄ ⁺	
	N-NO ₂ ⁻	
	P-PO ₄ ³⁻	
	H ₂ S	
	Độ kiềm	
	TSS	
	Coliform	
	Vibrio tổng số (mẫu nước)	
2	Nhóm 2: Thông số thuốc BVTV, kim loại nặng	69
	Thuốc BVTV	
	Hg	
	Pb	
	As	
	Cd	
3	Nhóm 3: Thông số môi trường giám sát ao đại diện	176
	DO	
	pH	
	Độ mặn	
	Độ kiềm	
	N-NH ₄ ⁺	
	N-NO ₂ ⁻	
	P-PO ₄ ³⁻	
	H ₂ S	
	TSS	
	COD	

	Vibrio tổng số (mẫu nước)	
4	Nhóm 4: Thông số môi trường phục vụ nuôi ngao	64
	pH	
	Độ mặn	
	N-NH ₄ ⁺	
	N-NO ₂ ⁻	
	P-PO ₄ ³⁻	
	H ₂ S	
	TSS	
	Mật độ và thành phần tảo độc	
	Vibrio tổng số	
5	Nhóm 5: Thông số môi trường phục vụ nuôi cá nước ngọt, cá nuôi lồng bè nước ngọt	112
	DO	
	pH	
	N-NH ₄ ⁺	
	N-NO ₂ ⁻	
	P-PO ₄ ³⁻	
	COD	
	H ₂ S	
	TSS	
	Mật độ và thành phần tảo độc	
	Aeromonas tổng số	
II	Dự phòng quan trắc đột xuất (khi thời tiết bất thường hoặc có yêu cầu)	

3. Yêu cầu khác:

Không quá 03 (ba) ngày trả kết quả sơ bộ tính từ ngày kết thúc lấy mẫu/nhận mẫu và không quá 07 (bảy) ngày trả kết quả phân tích chi tiết.

Bản tin kết quả quan trắc kèm theo đánh giá kết quả phân tích, kết quả đánh giá chất lượng nước nuôi trồng thủy sản AWQI theo hướng dẫn của Cục Thủy sản và Kiểm ngư và các khuyến cáo tương ứng.

Hồ sơ được giao nhận bằng đường bưu điện hoặc giao trực tiếp.

Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản trình bày về giải pháp và phương pháp luận để thực hiện dịch vụ phi tư vấn theo mẫu dưới đây:

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác.*

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.